TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN BÌNH** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:46/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 9 - 2018
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH – TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Nga
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lục Văn Khai.
2.Ông Trần NgọcThái

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đinh Thị Kim Thao - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Huy Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018 về: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐXX - ST ngày 17 tháng 8 năm 2018 và thông báo mở lại phiên tòa số: 26/TB-TA ngày 06 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị K – Sinh năm 1983. Có mặt.
Nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T – Sinh năm 1984. Có mặt.
Nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Hoàng Thị K trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Minh T trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 06-7-2007 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Anh T thường xuyên uống rượu về

nhà đánh, chửi vợ con. Đến năm 2009 chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại xã X, huyện Y sinh sống, đến năm 2011 anh T đã chuyển khẩu về ở cùng với chị ở xã X, huyện Y để hàn gắn tình cảm vợ chồng và chung sống hạnh phúc thêm được 02 năm thì tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Hai bên đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không được, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2017 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Về nuôi con chung: Chị xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hưng Hoàng T, sinh ngày 22-4-2007. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn - anh Nguyễn Minh T trình bày:

Về hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian, địa điểm và các điều kiện kết hôn như chị Kiên đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với gia đình anh tại xã P, huyện Đ, tỉnh Thừa Thi Huếên. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2009 chị Kiên đưa con về xã X, huyện Y sinh sống. Sau đó, đến năm 2011 anh cũng về nhập khẩu và sinh sống cùng với chị K. Đến tháng 4/2017 chị K bỏ nhà đi làm ăn, sau đó anh cũng đi làm ăn, mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến tháng 6/2018 anh biết thông tin chị K xin ly hôn, anh có nói chuyện với chị K nhưng không có kết quả. Đến nay, anh cũng không đưa ra được biện pháp tích cực nào để khắc phục tình cảm vợ chồng. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị K vẫn còn và không nhất trí ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung như chị K trình bày là đúng. Anh T đề nghị Tòa án lấy lời khai của cháu T tại Tòa án và anh sẽ tôn trọng quyết định của con chung.

Về chia tài sản và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được bảo đảm đúng quy định của pháp luật, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện c a chị Hoàng Thị K để xử cho chị K được ly hôn với anh Nguyễn Minh T. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Hưng Hoàng T, sinh ngày 22-4-2007 cho chị Hoàng Thị K chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Đối với yêu cầu chia tài sản của anh T: Do anh T chưa thực hiện các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không chấp nhận trong vụ án này.Về án phí: Chị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn - anh Nguyễn Minh T có hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] *Về hôn nhân:* Chị Hoàng Thị K và anh Nguyễn Minh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 06/7/2007. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Chị K xác định vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Anh T không nhất trí ly hôn và cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn nhưng anh T cũng thừa nhận vợ chồng không thường xuyên sống cùng nhau, không ai quan tâm đến ai và anh cũng không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác anh chị đã có thời gian để hoà giải, hàn gắn nhưng không có kết quả, không cải thiện được tình trạng hôn nhân. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị K là chính đáng và có căn cứ. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho chị Hoàng Thị K được ly hôn anh Nguyễn Minh T.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị Hoàng Thị K và anh Nguyễn Minh T đều xác định vợ chồng có một con chung là Nguyễn Hưng Hoàng T, sinh ngày 22-4-2007. Tại phiên tòa chị K và anh T đều có nguyện vọng giao con chung cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận đó phù hợp với nguyện vọng của con chung nên cần chấp nhận.

[4] *Về chia tài sản, nợ chung:* Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa, anh T có yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất tại thôn L, xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái nhưng anh T chưa thực hiện các thủ tục theo

quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, anh T có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết chia tài sản bằng một vụ án dân sự khác.

[5] *Về án phí:* Chị Hoàng Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. *Về hôn nhân*: Chị Hoàng Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Nguyễn Hưng Hoàng T – sinh ngày 22-4-2007 cho chị Hoàng Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi. Anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Hoàng Thị K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0001872 ngày 02-7-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình (Chị K đã nộp đủ án phí).

Chị Hoàng Thị K, anh Nguyễn Minh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Yên Bình;
- THA dân sự huyện Yên Bình;
- Các đơng sự;
- UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế ;
- Lu HS,TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Lê Thị Thanh Nga